

NHÀ NGUYỄN VỚI VIỆC TRỪNG TU CHÙA THÁP, PHÁT TRIỂN PHẬT GIÁO XỨ HUẾ XƯA

TA QUỐC KHÁNH^{*}

T háng 10 năm 1558, Doan quận công Nguyễn Hoàng vâng mệnh vua Lê Anh Tông vào trấn nhậm xứ Thuận Hoá. Mặc dù, lúc đầu là người *thiên trọng Đạo giáo, thích dùng đạo sĩ*⁽¹⁾ nhưng nhận thấy sự ảnh hưởng to lớn của Phật giáo trong việc thu phục lòng dân nên dần dần Nguyễn Hoàng đã có những hành động cụ thể để phát triển đạo Phật: chùa tháp được xây dựng, sư sãi được trọng vọng. Nối tiếp Nguyễn Hoàng, các chúa - vua Nguyễn sau này đều đã có những hành động cụ thể trong việc mở mang, phát triển đạo Phật xứ Huế mà nổi bật trong đó là việc xây dựng, trùng tu chùa tháp.

1. Giai đoạn 1558 - 1801

Đây là thời kì Nguyễn Hoàng vâng mệnh vua Lê vào trấn nhậm xứ Thuận Hoá và vẫn trên danh nghĩa là con dân nhà Lê, hằng năm ra Bắc Hà triều cống, thần phục. Tuy nhiên, vào cuối thế kỉ XVI, xã hội Việt Nam trở nên cực kì rối ren, phức tạp. Ngoài Bắc, các thế lực nhà Lê - Trịnh - Mạc luôn tranh giành quyền lực và Nguyễn Hoàng với nhân quan chính trị đặc biệt đã bắt đầu có tư tưởng li khai, lập cõi riêng đối chọi với nhà Trịnh ở Đàng Ngoài. Hành động vượt biển trốn vào xứ Thuận Hoá năm 1600 sau 8 năm bị nhà Trịnh giữ lại Đông Đô mà không cho về Đàng Trong đã cho thấy rõ quyết tâm đó của một vị chúa khi đã sang tuổi 76.

Lần trở lại Thuận Hóa năm 1600, Nguyễn Hoàng đã nhận rõ sức mạnh tinh thần của đạo Phật trong việc thu phục nhân tâm cho nên ngay năm sau, ông cho dựng lại chùa Thiên Mụ trên ngọn đồi Hà Khê⁽²⁾. Để mở đầu cho việc trùng kiến ngôi cổ tự này, Nguyễn Hoàng đã đưa ra huyền thoại về một bà tiên mặc áo đỏ quần xanh với lời phán bảo về một vị chân chúa đến lập chùa, tụ linh khí, phát triển bờ cõi⁽³⁾. Không chỉ Nguyễn Hoàng, nối tiếp các đời sau, các vua, chúa nhà Nguyễn đều có những hành động tích cực trong việc tu bổ, phát triển chùa Thiên Mụ và coi đây như một quốc tự quan trọng nhất của xứ Đàng Trong (và của cả nước khi Gia Long thống nhất giang sơn).

Sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi các lần sửa chữa chùa Thiên Mụ như sau: “Thái Tông năm Ất Ty (1665) sửa lại, Hiến Tông năm Canh Dần thứ 19 (1710) đúc chuông lớn, năm Giáp Ngọ thứ 23 (1714)

*. ThS., Viện Bảo tồn Di tích, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch.

1. Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm. *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*. Nxb. Văn hoá Sài Gòn, 2006, tr. 85.

2. Ngôi chùa này vốn có từ trước và đã được Dương Văn An mô tả trong *Ô châu cận lục* “*Thiên Mụ tự, Kim Trà huyện, Giang Đạm xã chi Nam, thượng cư sơn linh, hạ chấm giang lưu...*”. Xem: Dương Văn An. *Ô châu cận lục*, bản dịch của Bùi Lương, Văn hoá Á Châu xuất bản, Sài Gòn 1961, tr. 70.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*. Tập 1. Nxb Thuận Hoá, 1997, tr.83.

lại sửa lại. Quy chế từ cửa chùa vào là điện Thiên Vương, điện Ngọc Hoàng, bảo điện Đại Hùng, nhà Thuyết Pháp, lầu Tầng Kinh, điện Thập Vương, nhà Thủy Vân, nhà Tri Vị, điện Đại Bi, điện Dược Sư, nhà Tăng, nhà Thiền vài mươi sở, phía sau chùa dựng các sở tỉ da viên và phương trượng cũng đến vài mươi sở. Năm Ất Mùi thứ 24 (1715) chúa thượng thân làm văn bia khắc vào đá dựng ở trước chùa, bờ sông thì dựng đài cầu...⁽⁴⁾. Có thể thấy, tới đầu thế kỉ XVIII, chùa Thiên Mục đã trở thành một đại danh lam, được các chúa Nguyễn hết mực quan tâm, vun đắp. Một năm sau việc trùng kiến chùa Thiên Mục, năm Nhâm Dần 1602 Nguyễn Hoàng lại cho tu bổ chùa Sùng Hoá (thuộc làng Lại Ân, huyện Tư Vinh)⁽⁵⁾.

Khi chúa Tiên Nguyễn Hoàng mất, người con thứ sáu của ông là Nguyễn Phúc Nguyên lên nối nghiệp chúa (chúa Sãi) và đã biến chùa Thiên Mục thành nơi thờ cha mẹ, tổ tiên mình. Đặc biệt, dưới thời chúa Sãi, những điệu múa khúc ca Phật giáo đã được Đào Duy Từ sáng tác, tạo nên tảng cho sự phát triển của lễ nhạc Phật giáo Huế sau này.

Trong thế kỉ XVII, dưới thời Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần tại vị (1648 - 1687), Phật giáo Thuận Hoá đã phát triển mạnh mẽ với những đợt hoàng pháp của các thiền sư Việt Nam và Trung Quốc. Không chỉ sửa chùa Thiên Mục năm 1665, Hiền Vương còn sửa chùa Tư Khách (Hoà Vinh) năm 1668, công việc kéo dài 1 năm. Năm 1684, vị chúa này lại cấp tiền, cấp đất cho Hoà thượng Nguyên Thiều (người Trung Quốc sang) xây chùa Vĩnh Ân ở phía nam sông Hương (nay gần dân Nam Giao), mở đầu cho việc phát triển Thiền phái Lâm Tế ở đất Thuận Hoá, v.v...

Tiếp sau Hiền Vương là thời kì trị vì của Ngãi Vương Nguyễn Phúc Thái (1687 - 1691), một người như Lê Quý Đôn nhận xét là “*khoan hoà và yêu kẻ sĩ*”⁽⁶⁾. Ngay khi kế vị, Nguyễn Phúc Thái đã cho dời dinh phủ từ Kim Long về Phú Xuân (nay là Kinh thành Huế), mở ra một trang sử mới cho dòng họ Nguyễn. Năm sau (1688), ông cho sửa chùa Thuận An⁽⁷⁾.

Năm 1689, Ngãi Vương đổi hiệu chùa Vĩnh Ân (xây dựng dưới thời Hiền Vương) thành Quốc Ân, miễn giảm tất cả thuế đất cho nhà chùa, ban biểu ngạch Sắc tứ Quốc Ân tự⁽⁸⁾. Song song với đó, Ngãi Vương cũng cử nhà sư Nguyên Thiều sang Trung Quốc thỉnh danh tăng Thạch Liêm. Mặc dù chưa mời được Thạch Liêm sang ngay năm đó nhưng Nguyên Thiều cũng đã mang về nhiều chuông, tượng, pháp khí, góp công lớn trong việc hoàng dương Phật pháp xứ Thuận Hoá.

Ngãi Vương mất, con là Nguyễn Phúc Chu lên nối nghiệp khi mới 17 tuổi. Vị minh vương này tại ngôi được 34 năm (1691 - 1725), ngoài tài văn võ song toàn, còn là một Phật tử thuần thành. Dưới thời này, ở Thuận Hoá “*chùa chiền khắp xứ, sãi vãi đầy đàn*”⁽⁹⁾, nhiều sư tăng Trung Quốc cũng sang hoàng pháp. Chính Nguyễn Phúc Chu đã mời được sư Thạch Liêm sang Thuận Hoá để mở giới đàn tại chùa Thiền Lâm⁽¹⁰⁾, truyền giới cho hơn 4.000 Phật tử

4. Quốc sử quán triều Nguyễn. Sdd, tr.83.

5. Quốc sử quán triều Nguyễn. Sdd, tr.204.

6. Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1977, tr. 63.

7. Dẫn theo: Phan Khoang. *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học 2001, tr. 163. Nay chùa Thuận An không còn nữa.

8. Sắc tứ nghĩa là được vua ban “Chi”, chấp nhận ngôi chùa đó là chùa chính thức. Vị tăng sĩ ở chùa đó có giới đao và độ điệp của nhà vua cấp.

9. Thích Đại Sán. *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế xuất bản, 1963, tr. 40.

10. Nay nằm ở đường Điện Biên Phủ, thành phố Huế.

năm 1695. Đặc biệt, cũng trong năm đó, Minh Vương đã phê chuẩn cho sửa chữa, xây dựng chùa Thiên Lâm trở thành một đại danh lam với “*Vân trù, Thiên đường, Vân Thủy đường dựng lên phía tả; Thị liêu, Trai đường, Độc Luật đường, Am chủ liêu dựng ở phía hữu. Ở giữa làm một giới đàn...*”⁽¹¹⁾, công trường này huy động tới hơn 2.000 người. Sau khi hoàn thành, chùa Thiên Lâm trở thành một tổ đình của Thiên phái Tào Động, một trường hạ cho sư tăng cả hai đạo Thuận - Quảng. Ngoài ra, chúa còn phong Thiên sư Quả Hoàng ở núi Tam Thai làm Quốc sư; trùng kiến và đúc đại hồng chung tại chùa Thiên Mục năm 1714 và ban cho chùa Quốc Ân bốn chữ “*Linh thứu cao phong*” cùng hai bức đối liễn có lạc khoản “*Quốc vương Thiên Túng đạo nhân ngự đề*”⁽¹²⁾. Sau khi Hoà thượng Thạch Liêm về nước, chúa Nguyễn Phúc Chu tự xưng mình là đệ tử đời thứ 30 của Thiên phái Tào Động⁽¹³⁾.

Tiếp sau đó, Ninh Vương Nguyễn Phúc Thụ (1725 - 1738) lấy hiệu là *Vân Tuyên đạo nhân*, Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765) lấy hiệu là *Từ Tế đạo nhân*, đều là những vị chúa mộ đạo Phật, nhiều lần tổ chức giới đàn, ban biển hiệu chùa và độ Tăng. Năm 1729, một năm sau khi Hoà thượng Nguyên Thiều mất, chúa Nguyễn Phúc Thụ ban cho sư là “*Sắc tứ Quốc Ân đường thượng Lâm Tế chánh tông*”. Chúa Nguyễn Phúc Khoát đã viết và ban sắc tứ cho ba ngôi chùa quanh chính dinh: Báo Quốc, Khánh Vân và Quang Đức vào năm Đinh Mão (1747)⁽¹⁴⁾; năm Bính Tý 1756, ban sắc tứ cho chùa Sơn Tùng (xã Sơn Tùng, huyện Quảng Điền). Chính Võ Vương là người góp phần đưa chùa Báo Quốc trở thành một trong các tổ đình lớn nhất của Thiên phái Lâm Tế ở xứ Huế lúc bấy giờ.

Năm 1765, Nguyễn Phúc Thuận lên nối vị khi mới 12 tuổi. Bất chước người ông và người cha của mình, Nguyễn Phúc Thuận cũng đặt hiệu là *Khánh Phủ đạo nhân*. Nhưng vị Định Vương này là người “*tuổi trẻ, thích chơi bời múa hát*”⁽¹⁵⁾. Mặt khác, lúc này xã hội Đàng Trong trở nên cực kỳ rối ren với các bè đảng tranh đoạt quyền lực. Định Vương vừa phải lo đối phó với quyền thần Trương Phúc Loan lộng hành, lại phải đối phó với cuộc khởi nghĩa của nông dân Tây Sơn cũng bắt đầu nổ ra nên đã không quan tâm nhiều tới chùa chiền, sư sãi như các vị tiền chúa. Thêm nữa, năm 1775, khi nhà Trịnh từ Bắc Hà đưa quân vào chiếm được Phú Xuân, rồi năm 1786 bị quân Tây Sơn chiếm lại, chúa Nguyễn và gia quyến phải bôn tẩu vào trong Nam thì chùa chiền xứ Thuận Hoá gần như bị bỏ hoang. Nhiều chùa công như Thiên Mục, Thuận An, Kim Long, Hà Trung, v.v. không còn người trụ trì do phủ chúa bỏ tới nên hoang lạnh đổ nát. Đến thời Tây Sơn có chùa bị chiếm làm dinh thự quan lại (chùa Thiên Lâm thành tư dinh Thái sư Bùi Đắc Tuyên), có chùa thành kho chứa diêm tiêu (chùa Báo Quốc)⁽¹⁶⁾, v.v...

11. Thích Đại Sán. *Hải ngoại ký sự*. Viện Đại học Huế xuất bản, 1963, tr. 72-73.

12. Nguyễn Phúc Chu tự đặt hiệu cho mình là Thiên Túng đạo nhân.

13. Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm. *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*. Nxb. Văn hoá Sài Gòn, 2006, tr. 169.

14. Quốc sử quán triều Nguyễn. Sđđ., tr. 199 - 201. Trong sách ghi năm Đinh Mão thuộc *bản triều Thế Tông thứ nhất* nhưng thực ra đây là năm Thế Tông (Nguyễn Phúc Khoát) thứ 4 vì năm Giáp Tý (1744), Nguyễn Phúc Khoát lên ngôi vương. Biển Sắc tứ lưu tại chùa Báo Quốc cũng có dòng lạc khoản “*Cánh Hương bát niên (1747)*”. Xem thêm: Hà Xuân Liêm. *Những ngôi chùa Huế*. Nxb. Thuận Hoá, Huế 2000, tr. 67.

15. Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục*. Nxb. KHXH, Hà Nội 1977, tr. 71.

16. Xem thêm: Hà Xuân Liêm. *Những ngôi chùa Huế*. Nxb. Thuận Hoá, Huế 2000, tr. 68, 78.

Đây là giai đoạn suy thoái nhất của Phật giáo xứ Thuận Hoá kể từ khi Nguyễn Hoàng di mở cõi.

2. Giai đoạn 1802 - 1945

Năm 1802, sau khi giành chính quyền từ tay nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi vua mở ra một triều đại mới trong lịch sử Việt Nam, triều Nguyễn. Kinh đô vẫn đóng ở Phú Xuân - Huế và lúc này nước Việt Nam đã thực sự thống nhất với sự cai trị của dòng họ Nguyễn. Đối với Phật giáo, các vị vua quan triều Nguyễn tuy mức độ khác nhau đều có những đóng góp đáng kể trong việc xây dựng, sửa chữa chùa chiền, độ tăng, ban sắc tứ góp phần đưa Huế thành trung tâm Phật giáo của Việt Nam.

Năm 1804, trong chuyến tuần du Bắc Hà, vua Gia Long đã ban lệnh: "Từ nay về sau, chùa quán có đổ nát mới được tu bổ, còn làm chùa mới, tô tượng, đúc chuông, đàn chay, hội chùa hết thầy đều cấm. Sự sai có kẻ chân tu thì lí trưởng sở tại phải khai rõ tính danh quán chỉ, đem nộp ở quan trấn để biết rõ số"⁽¹⁷⁾. Tuy ban chỉ dụ như vậy, nhưng những hành động sau đó của vị vua đầu triều Nguyễn này cho thấy ông không phải là người quay lưng hoàn toàn với Phật giáo. Ngay năm đầu lên ngôi, Gia Long đã lập đàn trai ở chùa Thiên Mụ để tế các chiến sĩ tử trận. Đại trai đàn còn được ông lập vào các năm 1803, 1811 cũng tại ngôi chùa này⁽¹⁸⁾.

Ngôi chùa đầu tiên được vua Gia Long cho tu sửa lại có lẽ là chùa Long Quang (nằm ở phía tây kinh thành, sửa năm 1803)⁽¹⁹⁾. Bên cạnh đó, một loạt chùa xứ Huế đã do vương phi, hoàng hậu bỏ tiền của ra tu sửa như: Thờ Thiên Cao Hoàng hậu sửa chùa Thiên Lâm⁽²⁰⁾. Năm Gia Long 4 (1805), công chúa Nguyễn Ngọc Tú đã bỏ 300 quan tiền tái thiết

chùa Quốc Ân. Năm Gia Long 7 (1808), Hiếu Khang Hoàng hậu bỏ của ra sửa chùa Báo Quốc⁽²¹⁾.

Năm 1815, vua Gia Long đã cho đại trùng kiến ngôi Quốc tự Thiên Mụ sau nhiều năm bị hoang phế, đổ nát. Trong lần trùng kiến này, nhiều hạng mục công trình mới được xây dựng: Đại hùng bảo điện, điện Di Lạc, điện Quan Âm, lầu Tầng thư, Nghi môn (Tam quan), lầu chuông, lầu trống, v.v...⁽²²⁾.

Đến triều Minh Mạng, ngay năm đầu khi nối ngôi (1820), nhà vua đã mở đại trai đàn tại chùa Thiên Mụ. Hai năm sau, ông đã cấp vật liệu và 300 quan tiền để tu bổ chùa tổ Quốc Ân kang trang hơn. Tiếp đó, năm Minh Mệnh 17 (1836), nhà vua đã cho trùng kiến Quốc tự Thánh Duyên trên núi Thúy Vân (phía đông kinh thành, một đại danh lam của đất Thần Kinh, một trong *Thần kinh nhị thập cảnh*), năm Minh Mệnh 20 (1839), xây dựng Quốc tự Giác Hoàng (ngay trong kinh thành)⁽²³⁾. Giác Hoàng có nghĩa là ông vua đã giác ngộ vì Minh Mạng cho rằng kiếp trước mình là thầy tu nên dựng chùa trong kinh thành để tụng niệm. Chùa này năm 1885 đã bị triệt bỏ, dấu tích hiện còn là Tam toà.

17. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập 4, Viện Sử học, 1963, tr. 166 - 167.

18. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Sđđ.*, tr. 8, 106 và 130.

19. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1, Nxb. Thuận Hoá, 1997, tr. 84.

20. Chưa rõ chính xác chùa Thiên Lâm được Thờ Thiên Cao Hoàng hậu cho sửa năm nào nhưng phải trước năm bà mất là 1814.

21. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Sđđ.*, tr. 199-202.

22. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Sđđ.*, tr. 82.

23. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Sđđ.*, tr. 81-83. Cũng theo *Đại Nam nhất thống chí* thì xứ Thuận Hoá xưa có hai ngôi chùa Giác Hoàng. Chùa kia nằm ở xã Hiền Sĩ, huyện Phong Điền, năm Hiến Tông thứ 30 (1720) sửa lại, ban cho 3 biển vàng... (*Sđđ.*, tr. 206).

Bên cạnh đó, dưới thời Minh Mạng, Thuận Thiên Cao Hoàng hậu cũng bỏ nhiều tiền của sửa các chùa Khánh Vân, Quang Bảo, Bảo Sơn; An Mỹ thái trưởng công chúa Ngọc Ngôn sửa chùa Tuệ Lâm, v.v...

Không chỉ trùng tu chùa tháp, trong 20 năm trị vì đất nước, vua Minh Mạng đã 5 lần mở đại trai đàn tại chùa Thiên Mụ (các năm 1820, 1825, 1835, 1837, 1838), điều này cho thấy đây là một ông vua rất mộ đạo Phật.

Tại ngôi được 20 năm thì vua Minh Mạng băng hà. Năm 1841, ngôi báu được truyền cho Thái tử Miên Tông, lấy niên hiệu là Thiệu Trị. Ngay năm đầu lên ngôi, Thiệu Trị đã cấp 2.500 quan tiền để sửa chữa chùa Quốc Ân. Ngôi chùa này vốn đã bắt đầu trùng tu từ năm 1838 (Minh Mạng 17) và kéo dài 5 năm, tới tận năm 1843 mới hoàn thành. Không chỉ có vậy, vua Thiệu Trị còn xây Quốc tự Diệu Đế trên đất nhà cũ của Phúc quốc công (phía ngoài Kinh thành). Ngôi chùa mới được hoàn thành cũng gồm đủ các hạng mục: điện Đại Giác, Bảo tháp, Tịnh xá Trí tuệ, lầu chuông, nhà bia, gác Đạo Nguyên. Công việc được hoàn thành vào năm Thiệu Trị 2 (1842)⁽²⁴⁾. Cùng năm này, Định Hoà công chúa Ngọc Kỳ cho sửa chùa Đông Thuyền (xã Dương Xuân Thượng - huyện Hương Thủy).

Đóng góp đáng kể nhất của vua Thiệu Trị đối với Phật giáo xứ Huế có lẽ là việc xây ngôi tháp Phước Duyên năm 1845, hoàn chỉnh một mặt bằng tổng thể về chùa Thiên Mụ như ta thấy hiện nay. Cho tới ngày nay, Bảo tháp Phước Duyên cao 7 tầng không chỉ là niềm tự hào của chùa Thiên Mụ mà còn là biểu tượng của chùa tháp xứ Huế, của vẻ đẹp thắng tích chốn Thần Kinh.

Với tư tưởng “*cư Nho, mộ Thích*”, “*đi Phật, tài Nho*” nên trong nửa đầu thế kỉ XIX, cả ba vị vua trị vì đều có những hành động tích cực trong việc chấn hưng Phật giáo: tu sửa, xây dựng chùa chiền, trọng dụng cao tăng. Không chỉ chùa xứ Huế và quanh kinh thành mà từ Bắc vào Nam, vô số chùa chiền đã được vua Minh Mạng, Thiệu Trị chu cấp tiền của, tượng Phật, pháp khí để trùng tu, xây dựng.

Trong số 13 đời vua nhà Nguyễn, Tự Đức là ông vua tại ngôi lâu nhất. Tuy nhiên, 36 năm trị vì của vua Tự Đức (1848 - 1883) là giai đoạn xã hội có nhiều biến động nhất trong lịch sử nhà Nguyễn. Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta và với kế hoạch bình định, lần chiếm từng bước, quyền lực hoàng gia ngày một thu hẹp. Trong nước, nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra: khởi nghĩa Cao Bá Quát (1854 - 1856), khởi nghĩa Tạ Văn Phụng (1861 - 1865), rồi giặc Cờ đen, Cờ vàng, Cờ trắng, v.v... Tình hình đó khiến các mặt văn hoá, xã hội, tư tưởng phần nào bị tác động mạnh, Phật giáo không còn được triều đình quan tâm nhiều như trước. Chùa chiền xứ Huế nói riêng, cả nước nói chung vào giai đoạn này chỉ được tu sửa, xây dựng bằng sự đóng góp của nhân dân, của chính các nhà sư đứng ra phát nguyện. Sự quan tâm của triều đình chỉ dừng lại ở vài ngôi chùa nhỏ và chủ yếu do vương phi, hoàng hậu đóng góp vì những lí do cá nhân. Ngoài chùa Báo Quốc được vua Tự Đức cho trùng tu năm 1858 và năm 1873 xây lại Tam quan còn có công tử Hồng Thiết ở phủ Tùng Thiện Vương bỏ tiền sửa chùa Viên Thông năm 1881. Ngoài ra còn có công chúa Quý Đức và công chúa Lại Đức bỏ 400 quan tiền mua thêm ruộng cho chùa

24. Quốc sử quán triều Nguyễn. Sđd., tr. 82.

Quốc Ân, công chúa Diên Phúc cho tu sửa chùa Viên Giác, v.v...

Sau khi Tự Đức băng hà, gần như triều đình phong kiến nhà Nguyễn bị tước hết quyền lực. Việc lập vua, phế vua do người Pháp thao túng. Mặt khác, rất nhiều đại thần theo Công giáo được người Pháp đưa vào triều đình (Nguyễn Hữu Bài, Ngô Đình Khả...)

Đối với Phật giáo, mặc dù các vị vua đời sau đã ban sắc tứ, hay cấp tiền tu sửa nhỏ cho một số ngôi chùa (chùa Ngọc Sơn được Bộ Lễ tấu trình vua Thành Thái cho tu sửa năm 1898, chùa Kim Tiên được ban sắc tứ năm 1939, v.v...) nhưng đây cũng là giai đoạn nhiều chùa tổ, chùa vua bị dẹp bỏ nhất: chùa Giác Hoàng bị dẹp bỏ năm 1889, chùa Kim Sơn năm 1908, chùa Long Quang năm 1919, v.v...

Phật giáo Huế sang nửa đầu thế kỉ XX đã không còn được sự quan tâm của triều đình. Nhiều người cho đây là giai đoạn suy thoái thứ hai của Phật giáo Huế kể từ khi Nguyễn Hoàng đi trấn nhậm vùng đất này, nhưng nó lại là tiền đề cho phong trào chấn hưng Phật giáo diễn ra mạnh mẽ vào cuối những năm 20 của thế kỉ XX.

3. Một vài nhận xét

Trước khi Nguyễn Hoàng vào Thuận Hoá, Phật giáo đã tồn tại ở vùng đất này và mặc dù lúc đầu là người trọng Đạo giáo nhưng dần dần nhận thấy sức mạnh tinh thần to lớn của Phật giáo cho nên Nguyễn Hoàng và các vị chúa về sau đã lợi dụng tôn giáo này trong việc thu phục nhân tâm, cai trị thiên hạ. Việc Nguyễn Hoàng cho xây dựng chùa Thiên Mụ năm 1601 buổi đầu chắc cũng không ngoài mưu đồ chính trị như vậy. Với sự ngoại hộ của các vị chúa, Phật giáo Thuận Hóa nói riêng, Phật giáo Đàng Trong nói chung dần đã có

những bước phát triển vững chắc. Nhiều ngôi chùa được xây dựng, trùng tu: nhiều nhà sư từ miền trong, từ Trung Quốc, đã tới đây cắm tích trụ, hoàng dương Phật pháp. Bên cạnh những ngôi chùa làng, những chùa vua, chùa tổ đã dần hình thành, phát triển.

Không chỉ ban sắc tứ cho những ngôi chùa có sẵn, các vị chúa, vua Nguyễn còn trực tiếp xây dựng những ngôi chùa mới, bổ dụng nhà sư coi sóc để phục vụ nhu cầu tâm linh của triều đình và cũng phần nào có thể nắm giữ, chi phối một lực lượng xã hội đông đảo, biến Phật giáo trở thành công cụ phục vụ việc cai trị thiên hạ của triều đình. Việc vua Gia Long bắt kê khai danh tính, quán chỉ của sư sãi; vua Minh Mạng cho khảo thí các nhà sư đã cho thấy trong buổi đầu Phật giáo vẫn nằm dưới quyền kiểm soát của triều đình.

Nếu ở giai đoạn đầu mới chỉ có các vị chúa quan tâm tới việc tu bổ chùa tháp thì giai đoạn sau, nhiều hoàng hậu, vương phi, công chúa cũng quan tâm đóng góp tiền bạc tu sửa, cho thấy sự quan tâm sâu rộng hơn của triều đình đối với Phật giáo và có lẽ điều đó cũng góp phần khiến số lượng chùa tháp nhiều lên ở Phú Xuân, đưa Huế thành *trung tâm Phật giáo* vào thế kỉ XIX.

Ở cả hai thời kì có thể thấy: Khi quyền lực chính trị của triều đình không còn thì cũng là lúc Phật giáo Thuận Hóa bước vào giai đoạn suy thoái. Chùa chiền bị bỏ hoang, đổ nát, các nhà sư phiêu tán, thậm chí vào giai đoạn cuối thế kỉ XIX, nhiều ngôi chùa còn bị triều đình ra lệnh dẹp bỏ. Tuy nhiên, Phật giáo không những không mất đi mà còn trở thành một tôn giáo lớn, một nền tảng tư tưởng văn hóa lớn với hàng nghìn năm lịch sử, tồn tại và phát triển cùng với sự thăng trầm của dân tộc./.